TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/DS-ST
Ngày: 06-8-2026
"V/v Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Hoa Tuyết Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2026/TLST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Ngọc Á, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Ngọc Bích T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Ông Phan Quốc B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3. Ông Phan Huy B1, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2026, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc Á trình bày:

Bà có chồng nhưng đã chết năm 2023, hiện bà đang độc thân không kết hôn với ai. Trước đây, ông K là Chủ tịch UBND xã T, bà và ông K cũng có quan hệ họ hàng xa. Trong quá trình quen biết, ông K nhiều lần mượn tiền của bà với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và đều thanh toán đầy đủ, đúng hẹn nên bà tin tưởng.

Vào ngày 07/8/2025, bà có cho ông Phan Văn K vay số tiền 325.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay tiền viết tay, và sau khi viết xong giấy mượn tiền bà đã giao đủ số tiền nêu trên cho ông K. Cụ thể, Giấy mượn tiền ngày 07/8/2025, nội dung từ "Hôm nay ngày 07/8/2025" đến "ấp 1 Thạnh Lợi" và từ "số tiền là 325.000.000đồng" đến hết giấy mượn tiền do ông K viết và điền vào các nội dung còn trống, chữ ký và họ tên Phan Văn K tại mục người mượn là của ông K, còn nội dung tại mục "bên cho mượn tiền anh (chị) Thái Thị Ngọc Á đến "HKTT: ấp D L, xã T" là do bà viết và điền vào, bà cũng có ký tên vào giấy mượn tiền này tại mục người cho mượn, việc vay tiền giữa bà và ông K có sự chứng kiến của ông Trương Trọng T1, là hàng xóm gần giếng nước của ông Phan Văn K. Theo thỏa thuận, ông K hứa trong thời hạn 03 tháng, tức là đến ngày 07/11/2025, ông K sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã vay cho bà. Do là chỗ quen biết và cùng địa phương nên bà không yêu cầu ông K thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay này. Mục đích ông K vay tiền là do ông có đầu tư giếng khoan và cung cấp nước sạch cho người dân trong vùng. Ông K cho biết cần số tiền vay này để đầu tư làm thêm đường ống dẫn nước sạch và thay thế các đường ống cũ đã cung cấp nước cho bà con trong xã sử dụng. Bà tin tưởng vào việc làm của ông K và cũng biết ông có thu phí cung cấp nước sạch hằng tháng, nên bà tin rằng ông sẽ có nguồn thu để trả lại tiền vay cho bà nên bà mới đồng ý cho vay. Đến ngày 21/12/2025, bà hay tin ông K mất đột ngột mà chưa giải quyết khoản tiền vay này cho bà. Sau khi gia đình ông K lo hậu sự xong, bà có đến gặp vợ và các con của ông K, gồm bà Nguyễn Ngọc Bích T và các ông Phan Quốc B, Phan Huy B1, để trình bày sự việc và đưa giấy vay tiền mà trước đây ông K đã ký vay của bà. Tuy nhiên, sau khi đọc nội dung giấy vay tiền, bà T không thừa nhận việc ông K vay tiền của bà và không đồng ý trả số tiền nêu trên, với lý do họ không ký vay và không biết về khoản tiền này.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1 là những người thừa kế của ông Phan Văn K phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, là phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 325.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Huy B1 trình bày:

Ông là con ruột của ông Phan Văn K. Cha ông chết ngày 21/12/2025. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn K gồm có mẹ ông là bà Nguyễn Ngọc Bích T, anh ông là Phan Quốc B và ông là Phan Huy B1. Ngoài những người trên, không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha ông.

Đối với Giấy vay tiền ngày 07/8/2025 do bà Thái Thị Ngọc Á cung cấp cho Tòa án, ông xác định chữ ký trên giấy vay tiền là chữ ký của cha ông. Tuy nhiên, ông

không thừa nhận việc cha ông có vay của bà Á số tiền 325.000.000 đồng như nội dung giấy vay tiền thể hiện.

Khoảng thời gian từ tháng 9, tháng 10 năm 2025, cha ông có viết lại 02 giấy tay để xác nhận những người mà cha ông còn nợ cùng số tiền cụ thể của từng khoản nợ. Tuy nhiên, trong các giấy xác nhận này, cha ông không hề ghi nhận có khoản nợ nào đối với bà Thái Thị Ngọc Á. Khoảng tháng 10 năm 2025, khi sức khỏe cha ông đã yếu, gia đình ông có nghe thông tin cha ông còn nợ tiền của bà Á. Do đó, mẹ ông là bà Nguyễn Ngọc Bích T đã trực tiếp đến gặp bà Á để hỏi việc cha ông có còn nợ tiền hay không. Khi đó, bà Á xác nhận cha ông trước đây có nợ nhưng đã trả hết nên mẹ ông ra về. Việc gặp gỡ chỉ có mẹ ông và bà Á, không có người làm chứng.

Sau khi cha ông mất khoảng từ 02 đến 03 tuần, vào khoảng tháng 01 năm 2026, bà Á đến nhà gặp mẹ ông và đưa ra giấy vay tiền thể hiện cha ông có vay tiền của bà. Tuy nhiên, mẹ ông không xem giấy vay tiền vì trước đó chính bà Á đã xác nhận cha ông không còn nợ. Do đó, mẹ ông không đồng ý trả bất kỳ khoản tiền nào. Lúc đó, bà Á còn nói rằng nếu gia đình ông không trả toàn bộ số tiền theo giấy vay thì chỉ cần trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc cũng được. Tuy nhiên, do trước đó bà Á đã xác nhận cha ông không còn nợ nên mẹ ông không đồng ý trả số tiền này. Khi bà Á đến nhà gặp mẹ ông thì chỉ có hai người, không có ai khác chứng kiến. Gia đình ông có lắp đặt camera tại nhà nhưng do thời gian đã lâu nên dữ liệu camera không còn lưu giữ, vì vậy không thể cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ngọc Á, ông không đồng ý. Gia đình ông không đồng ý trả cho bà Á bất kỳ khoản tiền nào. Theo ông, bà Á không có đủ khả năng tài chính để cho cha ông vay số tiền 325.000.000 đồng. Ông cho rằng số tiền ghi trong giấy vay có thể là số tiền được cộng dồn từ tiền gốc và tiền lãi của các khoản vay trước đây (nếu có), đồng thời giấy nhận nợ do bà Á cung cấp có thể được lập lại vào thời điểm sau này, không phản ánh đúng giao dịch thực tế. Hơn nữa, trước đây bà Á từng xác nhận là cha ông không còn nợ tiền của bà nên việc bà khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là không có căn cứ. Ngoài các nội dung trên, ông không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Quốc B và bà Nguyễn Ngọc Bích T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất kỳ văn bản nào nêu ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Các đương sự cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ và triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc Á trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định ông Phan Văn K đã vay của bà số tiền gốc 325.000.000 đồng theo Giấy mượn

tiền ngày 07/8/2025 và đến nay chưa thanh toán. Đối với việc tại phiên tòa ông Phan Huy B1 chỉ đồng ý trả tổng cộng 70.000.000 đồng, còn bà Nguyễn Ngọc B2 T chỉ đồng ý trả số tiền 35.000.000 đồng, bà không đồng ý vì không có căn cứ. Bà xác định bà chưa từng nói hoặc xác nhận với các bị đơn rằng bà chỉ yêu cầu trả lại số tiền 70.000.000 đồng. Đối với ý kiến, đề nghị của các bị đơn có mặt tại phiên tòa, bà không đồng ý.

Bị đơn ông Phan Huy B1 trình bày: Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ngọc Á. Trường hợp bà Á đồng ý thương lượng, hòa giải thì gia đình ông chỉ đồng ý trả cho bà Á số tiền 70.000.000 đồng, theo ông đây là số tiền bà Á đã yêu cầu gia đình ông thanh toán khi đến nhà. Ngoài số tiền này, ông không đồng ý thanh toán khoản tiền nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bích T trình bày: Bà là vợ của ông Phan Văn K; ông K chết ngày 21/12/2025. Bà xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm bà, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1; ngoài những người này không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phan Huy B1. Bà cho rằng theo thời gian thể hiện trên giấy vay tiền do bà Á cung cấp thì trước đó ông K bị bệnh và phải phẫu thuật, trong thời gian này ông K không có nhu cầu sử dụng tiền nên bà cho rằng việc ông K vay số tiền 325.000.000 đồng là không có căn cứ. Khoảng tháng 5/2025, bà có đến gặp bà Á để hỏi về khoản nợ của ông K và bà Á xác định ông K không còn nợ tiền của bà. Đến khoảng tháng 10/2025, ông K phát bệnh và đến tháng 12/2025 thì chết. Bà cho biết trước đây có nghe nói ông K nợ bà Á khoảng 50.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng nên còn nợ 35.000.000 đồng. Do đó, bà chỉ đồng ý trả cho bà Á số tiền 35.000.000 đồng và không đồng ý thanh toán số tiền nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định ngày 07/8/2025, ông Phan Văn K có lập giấy vay tiền vay của bà Thái Thị Ngọc Á số tiền 325.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng. Theo Kết luận giám định số 265/KL-KTHS ngày 29/5/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, chữ viết và chữ ký tại phần người vay trong giấy vay tiền là của ông Phan Văn K. Bị đơn ông Phan Huy B1 cũng thừa nhận chữ ký trên giấy vay tiền là của ông Phan Văn K. Mặc dù ông Phan Huy B1 không thừa nhận khoản nợ nêu trên, cho rằng bà Á không có khả năng tài chính để cho vay, khoản tiền ghi trong giấy vay có thể là tiền gốc và lãi cộng dồn từ các khoản vay trước đây hoặc giấy vay được lập lại sau này, tuy nhiên các ý kiến này chỉ là lời trình bày của ông B1, không được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ hợp pháp. Bị đơn có yêu cầu ghi nhận lời khai của bà Nguyễn Thị Thúy P nhưng bà P xác định chỉ nghe ông T1

và bà T kể lại, không biết cụ thể nội dung sự việc cũng không trực tiếp chứng kiến nên không có cơ sở xem xét. Trong khi đó, nguyên đơn đã xuất trình được giấy vay tiền có chữ viết, chữ ký của ông Phan Văn K và được cơ quan chuyên môn kết luận giám định xác nhận. Do đó, có đủ căn cứ xác định giữa bà Thái Thị Ngọc Á và ông Phan Văn K đã phát sinh quan hệ vay tài sản với số tiền 325.000.000 đồng. Ông Phan Văn K chết ngày 21/12/2025. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn K gồm bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1. Đây là những người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Phan Văn K để lại trong phạm vi di sản ông K để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo Văn bản phúc đáp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực B và Ủy ban nhân dân xã T thể hiện ông K chết có để lại di sản. Nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán số tiền gốc 325.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc Á khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại với số tiền 325.000.000 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phan Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Quốc B.

[1.3] Về phạm vi giải quyết vụ án: Bà Thái Thị Ngọc Á yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn K cùng trả số tiền 325.000.000 đồng; nguyên đơn xác định không tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Ngọc Bích T và không yêu cầu tính lãi. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc Á, thấy rằng:

[3] Ngày 07/8/2025, giữa bà Thái Thị Ngọc Á và ông Phan Văn K có lập Giấy vay tiền, thể hiện ông Phan Văn K vay của bà Thái Thị Ngọc Á số tiền 325.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, đến ngày 07/11/2025 phải hoàn trả toàn bộ số tiền vay. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp bản chính Giấy vay tiền ngày 07/8/2025 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Để làm rõ tính xác thực của tài liệu

này quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập mẫu chữ viết, chữ ký của ông Phan Văn K tại các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và ban hành Quyết định trưng cầu giám định. Theo Kết luận giám định số 265/KL-KTHS ngày 29/5/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, chữ viết và chữ ký tại mục "Người mượn tiền" trên Giấy mượn tiền ngày 07/8/2025 là do ông Phan Văn K viết và ký. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Huy B1 cũng xác định chữ ký trên Giấy vay tiền là chữ ký của cha ông là ông Phan Văn K. Đồng thời, các bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tại thời điểm lập giấy vay tiền ông Phan Văn K không minh mẫn, không làm chủ được hành vi; việc xác lập giao dịch là do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; cũng không chứng minh được giấy vay tiền bị giả mạo, sửa chữa, được lập khống hoặc che giấu giao dịch khác. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông Phan Văn K đã trực tiếp viết, ký vào Giấy mượn tiền ngày 07/8/2025 và tự nguyện xác lập giao dịch vay tài sản với bà Thái Thị Ngọc Á theo nội dung thể hiện trong giấy vay tiền.

[4] Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay và khi đến hạn bên vay phải hoàn trả tài sản đã vay. Việc ông Phan Văn K trực tiếp lập, viết và ký giấy vay tiền là sự thể hiện ý chí tự nguyện xác lập giao dịch vay tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản gốc giấy vay tiền và xác định sau khi lập giấy vay đã giao đủ số tiền cho ông K; việc giao kết và thực hiện giao dịch vay tiền có ông Trương Trọng T1 chứng kiến; lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với nội dung giấy vay tiền, phù hợp với kết luận giám định và toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định giữa bà Thái Thị Ngọc Á và ông Phan Văn K đã phát sinh quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp.

[5] Đối với ý kiến của ông Phan Huy B1 không thừa nhận ông K có vay số tiền 325.000.000 đồng, cho rằng bà Thái Thị Ngọc Á không có khả năng tài chính để cho vay, khoản tiền ghi trong giấy vay có thể là tiền gốc và lãi cộng dồn từ các khoản vay trước đây hoặc giấy vay được lập lại sau này. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự phản đối yêu cầu của bên kia phải có nghĩa vụ chứng minh. Hội đồng xét xử nhận thấy ngoài lời trình bày, bị đơn không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho các ý kiến nêu trên nên không có căn cứ để xem xét.

[6] Ngoài ra, ông Phan Huy B1 cho rằng khoảng tháng 10 năm 2025 bà Nguyễn Ngọc Bích T đã gặp bà Thái Thị Ngọc Á và được bà Á xác nhận ông Phan Văn K không còn nợ tiền; sau khi ông K chết bà Á chỉ yêu cầu gia đình trả số tiền 70.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng đây đều là những tình tiết do bị đơn trình bày. Bị đơn không cung cấp được người làm chứng trực tiếp, tài liệu, ghi âm, ghi hình hoặc chứng cứ hợp pháp khác để chứng minh; chính bị đơn cũng xác nhận dữ liệu camera tại nhà không còn lưu giữ. Trong khi đó, ý kiến này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

[7] Đối với việc ông Phan Huy B1 cho rằng vào khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2025 ông Phan Văn K có lập hai giấy xác nhận các khoản nợ nhưng không ghi nhận khoản nợ đối với bà Thái Thị Ngọc Á, Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu này không

phải là căn cứ xác định toàn bộ nghĩa vụ tài sản của ông Phan Văn K, cũng không làm phát sinh hoặc chấm dứt nghĩa vụ từ giao dịch vay tài sản ngày 07/8/2025. Hơn nữa, bị đơn không chứng minh được các giấy xác nhận nêu trên có giá trị thay thế hoặc hủy bỏ giấy vay tiền đang tranh chấp nên không có cơ sở chấp nhận.

[8] Để chứng minh cho ý kiến phản đối, bị đơn có yêu cầu Tòa án lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Thúy P. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2026, bà Nguyễn Thị Thúy P xác định bà không trực tiếp chứng kiến việc vay tiền, giao nhận tiền, lập và ký giấy vay tiền giữa bà Thái Thị Ngọc Á và ông Phan Văn K; toàn bộ nội dung bà trình bày đều do ông Trương Trọng T1 và bà Nguyễn Ngọc Bích T kể lại. Mặt khác, theo lời khai của bà P thì ông Trương Trọng T1 chỉ kể ông Phan Văn K vay của bà Thái Thị Ngọc Á khoảng 50.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất và sau đó ông T1 bảo ông K đến gặp bà Á để viết lại giấy nhận nợ. Nội dung này không phù hợp với giấy mượn tiền ngày 07/8/2025 đang tranh chấp thể hiện khoản vay 325.000.000 đồng, đồng thời cũng không xác định được khoản vay mà bà P trình bày có phải là khoản vay đang tranh chấp trong vụ án hay không. Đối với nội dung bà P khai bà Nguyễn Ngọc B2 T kể đã gặp bà Á và được bà Á xác nhận ông K không còn nợ tiền thì đây cũng chỉ là thông tin do người khác thuật lại, không phải sự việc bà P trực tiếp chứng kiến nên không có cơ sở để xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ngày 07/8/2025 giữa bà Thái Thị Ngọc Á và ông Phan Văn K đã xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 325.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ ngày 07/11/2025, ông Phan Văn K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Ngày 21/12/2025, ông Phan Văn K chết, trong khi khoản nợ trên chưa được thanh toán, nên đây là nghĩa vụ tài sản của người chết để lại.

[10] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết để lại, thấy rằng: Ông Phan Văn K chết ngày 21/12/2025. Theo lời trình bày thống nhất của ông Phan Huy B1 cùng bà Nguyễn Ngọc Bích T và kết quả trả lời của UBND xã T thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn K gồm bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1.

[11] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về di sản của ông Phan Văn K. Theo văn bản cung cấp thông tin số 1994/CNVPĐKĐĐ-HCTH ngày 03/4/2026, số 5758/CNVPĐKĐĐ-HCTH ngày 30/7/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực B và Công văn số 1441/UBND-KT ngày 05/8/2026 của UBND xã T, hồ sơ địa chính thể hiện năm 2016 ông Phan Văn K được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01 thành thửa đất số 65, tờ bản đồ số 18, tại xã T (nay là xã T), hiện thửa đất 65 này vẫn đứng tên ông Phan Văn K, chưa thực hiện đăng ký biến động. Ngoài ra, tại phiên tòa các bị đơn trình bày hệ thống cấp nước sạch do ông Phan Văn K đầu tư hiện nay vẫn do gia đình quản lý, khai thác. Tại phiên tòa các bị đơn xác định ông Phan Văn K chết không để lại di chúc; đến nay chưa có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện di sản của ông Phan Văn K đã được phân chia hoặc các đồng thừa kế có thỏa thuận về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Do đó, có căn cứ xác định ông Phan Văn K có để lại di sản và bà

Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B, ông Phan Huy B1 là những người thừa kế theo pháp luật của ông K nên yêu cầu của nguyên đơn buộc những người thừa kế của ông Phan Văn K thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ do ông K xác lập trước khi chết trong phạm vi di sản mà ông K để lại là có căn cứ.

[12] Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, những người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1 là những người thừa kế của ông Phan Văn K thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ 325.000.000 đồng nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[13] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ngọc Á, buộc bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1 thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Phan Văn K để lại đối với khoản nợ 325.000.000 đồng, trong phạm vi di sản thừa kế của ông Phan Văn K để lại.

[14] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ là 256.000 đồng, bà Á tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ chi phí.

[16] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản ông K để lại. Bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 615, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc Á về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1.

1. Buộc bà Nguyễn Ngọc Bích T, ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1 có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị Ngọc Á số tiền 325.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế do ông Phan Văn K chết để lại.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa

vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác trong phạm vi di sản ông Phan Văn K để lại.

3. Về chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ là 256.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) bà Á tự nguyện chịu toàn bộ; bà Á đã nộp và chi phí xong.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Bích T được miễn án phí nên ông Phan Quốc B và ông Phan Huy B1 phải liên đới chịu 10.833.333 đồng (Mười triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) trong phạm vi di sản ông Phan Văn K để lại.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc Á số tiền 8.125.000 đồng (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002453 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 32, 76 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phan Thị Thúy Hồng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thúy Hồng